

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ I.P.A
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/01/2025 ĐẾN NGÀY 30/06/2025

Tháng 08 năm 2025

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	12 - 62

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A (sau đây được gọi là “Công ty”) đề trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty đã được kiểm toán cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, ỦY BAN KIỂM TOÀN VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ủy ban kiểm toán và Ban kiểm soát đã điều hành Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Hiền	Chủ tịch	
Bà Phạm Minh Hương	Thành viên	
Ông Vũ Hoàng Hà	Thành viên	
Bà Nguyễn Ngọc Thanh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24/06/2025
Ông Mai Hữu Đạt	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/06/2025
Ông Nguyễn Vũ Long	Thành viên	

Ủy ban kiểm toán

Bà Nguyễn Ngọc Thanh	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 24/06/2025
Ông Vũ Hoàng Hà	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24/06/2025

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Hồng Huệ	Trưởng ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 24/06/2025
Bà Đặng Hoàng My	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/06/2025
Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/06/2025

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Mai Hữu Đạt	Tổng Giám đốc
-----------------	---------------

Kế toán trưởng của Công ty là Bà Nguyễn Thị Hương Thảo.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc kỳ kế toán, có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30/06/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Mai Hữu Đạt
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2025

Số: 1009/2025/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*Về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025*

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A (sau đây được gọi là “Công ty”) được lập ngày 28 tháng 08 năm 2025, từ trang 06 đến trang 62 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A tại ngày 30/06/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Minh Long

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0666-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2025

Bùi Đức Nam

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 5142-2025-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30/06/2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.214.759.429.196	1.955.675.716.328
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	70.441.138.467	65.503.488.551
Tiền	111		70.441.138.467	60.503.488.551
Các khoản tương đương tiền	112		-	5.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	322.466.824.788	748.159.984.403
Chứng khoán kinh doanh	121	5.2	321.042.659.788	746.360.378.575
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(2.575.835.000)	(2.200.394.172)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.1	4.000.000.000	4.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.760.854.429.331	1.111.908.939.913
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	72.261.626.328	120.800.340.839
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	10.219.067.638	24.434.942.700
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	1.377.342.279.602	895.029.007.515
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	306.919.850.707	78.333.043.803
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(5.976.570.516)	(6.776.570.516)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		88.175.572	88.175.572
Hàng tồn kho	140	10	52.674.164.552	24.657.301.640
Hàng tồn kho	141		52.773.234.237	24.756.371.325
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(99.069.685)	(99.069.685)
Tài sản ngắn hạn khác	150		8.322.872.058	5.446.001.821
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15	5.746.947.438	2.934.940.588
Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.136.548.698	2.285.021.510
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	20	439.375.922	226.039.723
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.748.748.787.509	6.715.453.117.250
Các khoản phải thu dài hạn	210		15.349.816.245	19.349.816.245
Phải thu dài hạn khác	216	9	15.349.816.245	19.349.816.245
Tài sản cố định	220		601.473.955.810	622.280.506.211
Tài sản cố định hữu hình	221	12	591.157.934.782	606.467.425.294
- Nguyên giá	222		1.208.601.636.564	1.195.354.126.541
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(617.443.701.782)	(588.886.701.247)
Tài sản cố định vô hình	227	13	10.316.021.028	15.813.080.917
- Nguyên giá	228		49.481.792.166	48.404.572.166
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(39.165.771.138)	(32.591.491.249)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Tại ngày 30/06/2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
			VND	VND
Bất động sản đầu tư	230	14	11.360.133.503	11.469.310.853
- Nguyên giá	231		17.403.806.849	17.403.806.849
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(6.043.673.346)	(5.934.495.996)
Tài sản dở dang dài hạn	240		66.159.888.085	53.062.104.817
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	66.159.888.085	53.062.104.817
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	5.781.155.903.483	5.738.903.790.416
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.3	5.352.759.864.112	5.338.953.630.908
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	5.4	936.791.011.200	941.391.011.200
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(508.394.971.829)	(541.440.851.692)
Tài sản dài hạn khác	260		273.249.090.383	270.387.588.708
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	141.328.364.681	133.395.037.595
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	32.1	86.321.116.875	86.530.945.469
Lợi thế thương mại	269	16	45.599.608.827	50.461.605.644
TỔNG TÀI SẢN	270		8.963.508.216.705	8.671.128.833.578

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
Tại ngày 30/06/2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		4.425.114.010.007	4.172.504.903.234
Nợ ngắn hạn	310		324.949.880.996	468.893.079.267
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	6.606.737.808	5.289.500.829
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	263.935.185	1.630.433.731
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20	21.804.075.101	51.232.868.730
Phải trả người lao động	314		8.712.984.364	10.464.978.106
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	169.609.597.560	138.899.075.216
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		7.174.727.253	11.894.919.878
Phải trả ngắn hạn khác	319	22	21.892.515.396	92.796.487.599
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	44.459.526.000	112.259.032.849
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		44.425.782.329	44.425.782.329
Nợ dài hạn	330		4.100.164.129.011	3.703.611.823.967
Phải trả dài hạn khác	337	22	403.576.000.000	4.011.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	3.660.008.416.966	3.661.774.340.209
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	341	32.2	36.579.712.045	37.826.483.758
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		4.538.394.206.698	4.498.623.930.344
Vốn chủ sở hữu	410	23	4.538.394.206.698	4.498.623.930.344
Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.138.357.750.000	2.138.357.750.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.138.357.750.000	2.138.357.750.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		32.049.837.180	32.049.837.180
Quỹ đầu tư phát triển	418		64.268.503.228	64.268.503.228
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		635.671.910	635.671.910
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.100.680.555.950	1.908.444.893.087
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.976.285.381.995	1.496.990.666.796
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		124.395.173.955	411.454.226.291
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		202.401.888.430	354.867.274.939
TỔNG NGUỒN VỐN	440		8.963.508.216.705	8.671.128.833.578

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc



Nguyễn Ngọc Mai



Nguyễn Thị Hương Thảo



Mai Hữu Đạt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	190.669.868.348	249.185.413.865
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		38.480.735	158.881.467
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		190.631.387.613	249.026.532.398
Giá vốn hàng bán	11	26	112.142.724.432	135.449.182.935
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		78.488.663.181	113.577.349.463
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	264.286.860.667	83.866.966.975
Chi phí tài chính	22	28	142.747.196.935	213.944.766.240
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>174.501.885.375</i>	<i>182.162.005.615</i>
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	29	(1.881.521.578)	260.025.543.656
Chi phí bán hàng	25	30	8.956.779.985	6.743.994.826
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	34.499.454.213	28.394.967.178
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		154.690.571.137	208.386.131.850
Thu nhập khác	31		1.189.254.473	3.293.529.245
Chi phí khác	32		2.383.156.832	2.568.165.196
Lợi nhuận khác	40		(1.193.902.359)	725.364.049
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		153.496.668.778	209.111.495.899
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	10.564.822.880	17.231.875.837
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	32.3	(1.036.943.118)	(831.350.428)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		143.968.789.016	192.710.970.490
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		124.917.976.390	166.562.190.496
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		19.050.812.626	26.148.779.994
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	584	779
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	34	584	779

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Nguyễn Ngọc Mai

Nguyễn Thị Hương Thảo

Mai Hữu Đạt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	153.496.668.778	209.111.495.899
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	40.102.454.591	40.284.566.707
Các khoản dự phòng	03	(33.470.439.035)	30.835.644.942
(Lãi) hoạt động đầu tư	05	(253.191.798.029)	(318.883.494.887)
Chi phí lãi vay	06	174.736.455.283	182.294.845.798
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08	81.673.341.588	143.643.058.459
trước thay đổi vốn lưu động			
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	87.284.128.965	26.552.383.348
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(28.016.862.912)	(3.496.808.426)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không	11	276.219.260.954	(2.065.234.033)
kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh			
ng nghiệp phải nộp)			
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(10.745.333.936)	(3.309.681.427)
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	425.317.718.787	(161.177.910.676)
Tiền lãi vay đã trả	14	(142.317.801.439)	(204.168.456.838)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(44.626.673.043)	(15.292.434.758)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(600.000.000)	(600.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động	20	644.187.778.964	(219.915.084.351)
kinh doanh			
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(9.523.218.461)	(6.030.840.455)
và các tài sản dài hạn khác			
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	-	10.722.727.273
và các tài sản dài hạn khác			
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ	23	(1.097.094.486.301)	(488.131.424.094)
của đơn vị khác			
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công	24	620.530.389.134	882.889.044.115
cụ nợ của đơn vị khác			
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(78.527.000.000)	(10.000.011.002)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị	26	90.000	990.000.000
khác			
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận	27	23.117.755.580	49.518.519.200
được chia			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động	30	(541.496.470.048)	439.958.015.037
đầu tư			

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	23.031.799.000
Tiền thu từ đi vay	33		36.200.000.000	1.377.140.750.000
Tiền trả nợ gốc vay	34		(106.000.000.000)	(1.632.239.087.767)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(27.953.659.000)	(11.435.816.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(97.753.659.000)	(243.502.354.767)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		4.937.649.916	(23.459.424.081)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4	65.503.488.551	83.665.344.718
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	70.441.138.467	60.205.920.637

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc





Nguyễn Ngọc Mai

Nguyễn Thị Hương Thảo

Mai Hữu Đạt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A, (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập ngày 28/12/2007 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103021608 với số vốn điều lệ đăng ký là 600.000.000.000 VND trên cơ sở chuyển đổi từ Công ty TNHH Đầu tư và Tài chính I.P.A - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 042493 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 09/03/1998.

Ngày 31/12/2007, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A nhận sáp nhập với Công ty Cổ phần Đầu tư I.P.A theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103010725 do Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 19/01/2006 với tỷ lệ sáp nhập là 1:1. Tại thời điểm nhận sáp nhập, vốn điều lệ thực góp của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A là 426.647.450.000 VND, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư I.P.A là 173.352.550.000 VND, thặng dư vốn là 370.867.003.490 VND. Sau khi sáp nhập thì vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A vẫn giữ nguyên là 600 tỷ VND và thặng dư vốn phát sinh là 370.867.003.490 VND.

Ngày 20/11/2008, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A nhận sáp nhập với Công ty Cổ phần Các đối tác Tài chính I.P.A (theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103022532 do Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 22/02/2008) với tỷ lệ sáp nhập là 1:1. Tại thời điểm nhận sáp nhập, vốn điều lệ thực góp của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A là 600.000.000.000 VND và vốn điều lệ thực góp của Công ty Cổ phần Các đối tác Tài chính I.P.A là 59.999.800.000 VND và do một cổ đông duy nhất là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A thực hiện góp vốn. Khi nhận sáp nhập thì Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A không phát hành thêm cổ phần mới, vốn điều lệ của Công ty vẫn giữ nguyên là 600.000.000.000 VND.

Ngày 15/11/2016, Công ty đăng ký thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 6, theo đó mã số doanh nghiệp của Công ty là 0100779693.

Ngày 14/02/2017, Công ty đăng ký thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 7, theo đó vốn điều lệ của Công ty tăng từ 600.000.000.000 VND lên 890.982.480.000 VND.

Ngày 31/05/2021, Công ty đăng ký thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 8, theo đó Công ty nhận sáp nhập với Công ty TNHH MTV Tài chính IPA và giữ nguyên vốn điều lệ.

Ngày 13/12/2021, Công ty đăng ký thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 9, theo đó vốn điều lệ của Công ty tăng từ 890.982.480.000 VND lên 1.781.964.960.000 VND.

Ngày 18/07/2022, Công ty đăng ký thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 10, theo đó vốn điều lệ của Công ty tăng từ 1.781.964.960.000 VND lên 2.138.357.750.000 VND.

Ngày 05/07/2024, Công ty đăng ký thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 11.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 2.138.357.750.000 VND, tương đương 213.835.775 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là: 504 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là: 483 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là đầu tư tài chính, kinh doanh bất động sản, đầu tư và kinh doanh năng lượng và các ngành nghề khác theo đăng ký doanh nghiệp.

1.3 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Các ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm: Đầu tư tài chính, kinh doanh bất động sản, đầu tư và kinh doanh năng lượng và các ngành nghề theo đăng ký doanh nghiệp.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 CẤU TRÚC CÔNG TY

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại ngày 30/06/2025 như sau:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán I.P.A	Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội.	Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Nếp sống tinh thức IPAM LIFE	Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu hoặc đi thuê	92,71%	92,71%
Công ty Cổ phần Thực phẩm Homefood (i)	Số 26, phố Trần Bình Trọng, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	Kinh doanh thực phẩm dinh dưỡng	82,03%	89,86%
Công ty Cổ phần Ong Trung Ương (i)	19 phố Trúc Khê, Phường Láng, TP Hà Nội, Việt Nam	Kinh doanh, xuất khẩu các sản phẩm từ ong	91,06%	98,22%
Công ty TNHH Di sản thiên nhiên Hoàng Liên Sơn (i)	Thôn Bản Phố 2, Xã Bắc Hà, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam	Sản xuất chè	89,79%	100,00%
Công ty Cổ phần Năng lượng Bắc Hà (i)	Thôn Mả Phố, xã Bản Liên, tỉnh Lào Cai	Đầu tư dự án thủy điện	89,79%	95,19%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.5 CẤU TRÚC CÔNG TY (TIẾP)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Đầu tư IPAF	Tầng 1, toà nhà Comatce Tower, số 61 phố Ngụy Như Kon Tum, khu dân cư 17, phường Thanh Xuân, Hà Nội	Hoạt động tư vấn quản lý	99,90%	99,90%
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ IPA (ii)	Tầng 1, toà nhà Comatce Tower, số 61 phố Ngụy Như Kon Tum, khu dân cư 17, phường Thanh Xuân, Hà Nội	Lập trình máy vi tính	99,02%	100,00%
Công ty TNHH Tư vấn Quản trị doanh nghiệp IPA (ii)	Tầng 1, Tòa nhà Comatce Tower, số 61 phố Ngụy Như Kon Tum, Phường Thanh Xuân, TP Hà Nội	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính	89,91%	90,00%
Công ty Cổ phần Profit (ii)	Tầng 1, Tòa nhà Comatce Tower, Số 61 Ngụy Như Kon Tum, Khu dân cư 17, Phường Thanh Xuân, TP Hà Nội	Lập trình máy vi tính	69,32%	70,00%
Công ty Cổ phần Stockbook (ii)	Tầng 1, Tòa nhà Comatce Tower, số 61 phố Ngụy Như Kon Tum, Khu dân cư 17, Phường Thanh Xuân, TP Hà Nội	Cổng thông tin	64,37%	65,00%
Công ty TNHH Nếp sống IPAM	Số 19 Trúc Khê, Phường Láng, TP Hà Nội, Việt Nam	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	91,59%	100,00%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.5 CẤU TRÚC CÔNG TY (TIẾP)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Dstation (i)	Tầng 1, Tòa nhà Comatce Tower, Số 61 Ngụy Như Kon Tum, Khu dân cư 17, Phường Thanh Xuân, TP Hà Nội	Lập trình máy vi tính, kinh doanh quyền sử dụng đất đi thuê	73,40%	80,02%
Công ty Cổ phần Bất động sản Anvie Hội An	Số 62, đường Chè Tàu 1, khối phố Triêm Tây, Phường Điện Bàn, Thành phố Đà Nẵng	Kinh doanh bất động sản	98,19%	100,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Lũng Xuân (i)	Thôn 3, Tiến Xuân, xã Yên Xuân, TP Hà Nội	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất	89,32%	98,00%
Công ty Cổ phần Khách sạn Du lịch Đại Dương (i)	Số 20 Lê Đại Hành, Phường Hồng Bàng, TP Hải Phòng, Việt Nam	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất	74,84%	80,00%
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư IPA Cửu Long (i)	Số 21 đường B19 Khu dân cư Hưng Phú 1, Phường Hưng Phú, TP Cần Thơ, Việt Nam	Kinh doanh bất động sản	92,09%	99,33%
Công ty Cổ phần Cơ khí Ngành In (i)	102A-B Hải Thượng Lãn Ông, Phường Chợ Lớn, TP Hồ Chí Minh	Dịch vụ liên quan đến in	91,50%	98,69%

(i) Công ty con gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Nếp sống tinh thức IPAM LIFE.

(ii) Công ty con gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Đầu tư IPAF.

1.6 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 đã được soát xét.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A (Công ty mẹ) và các Công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

2.2 CƠ SỞ HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Trong trường hợp chính sách kế toán của Công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty mẹ thì Báo cáo tài chính của Công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 của Công ty Mẹ và các Công ty con. Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa Công ty mẹ và Công ty con được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

2.3 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 06 năm 2025.

2.4 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

3.1 CƠ SỞ, MỤC ĐÍCH HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Công ty lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2025 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập báo cáo tài chính hợp nhất nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.1 CƠ SỞ, MỤC ĐÍCH HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con), gọi chung là Nhóm công ty. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty mẹ. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Nhóm công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ với Công ty con và giữa công ty con với nhau, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, Công ty mẹ phải xem xét quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty được mua được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.1 CƠ SỞ, MỤC ĐÍCH HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Công ty mẹ đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi Công ty mẹ thoái một phần vốn tại công ty con:

- Nếu sau khi thoái vốn Công ty mẹ vẫn giữ quyền kiểm soát: Kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Nếu sau khi thoái vốn Công ty mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành công ty liên doanh, liên kết: khoản đầu tư còn lại được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết” trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu và kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu, nếu tỷ lệ vốn góp thêm của các bên không tương ứng với tỷ lệ hiện hành thì phần chênh lệch giữa số vốn góp thêm của Công ty và phần sở hữu tăng thêm trong tài sản thuần của công ty con được ghi nhận vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.2 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Riêng Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

3.3 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao là các khoản đầu tư có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định tại ngày báo cáo và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh tức là được Công ty mua vào, bán ra để kiếm lời. Công ty đang nắm giữ các loại chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng... Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý trên thị trường thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán: Giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính.
- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết và các doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng (Upcom): Giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc kỳ kế toán do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.
- Trường hợp cổ phiếu của công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng, cổ phiếu niêm yết đã bị hủy niêm yết, bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch: Việc trích lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của công ty được đầu tư, mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Công ty mẹ so với tổng vốn điều lệ thực góp.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết và các đơn vị khác

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty mẹ và các công ty con có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Công ty mẹ và các Công ty con trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Công ty mẹ và các công ty con có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ và các công ty con. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty mẹ và các công ty con thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Công ty mẹ và các công ty con khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Đầu tư vào các đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty mẹ và các công ty con không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty mẹ và các công ty con tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

3.6 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính giữa niên độ được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

3.7 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của nguyên vật liệu, hàng hóa, thành phẩm được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Khấu hao tài sản cố định được ước tính như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc, thiết bị	03 – 09
Phương tiện vận tải	04 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05
Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm	04 - 15

3.9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm phần mềm máy vi tính, nhãn hiệu hàng hóa và TSCĐ vô hình khác.

3.10 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí bảo hiểm, khoản trả trước tiền thuê nhà, lợi thế quyền thuê đất, chi phí sửa chữa cải tạo và các chi phí khác.

3.12 HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Công ty phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Công ty mẹ không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Công ty mẹ có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Công ty mẹ trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Công ty mẹ trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

3.13 NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.13 NỢ PHẢI TRẢ CHI PHÍ PHẢI TRẢ (TIẾP)

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

Chi phí phải trả của Công ty là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

3.14 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn.

3.15 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

3.16 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu nhận trước: Số tiền khách hàng trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản. Công ty mẹ ghi nhận theo nghĩa vụ mà Công ty mẹ sẽ phải thực hiện trong tương lai.

Phương pháp phân bổ doanh thu chưa thực hiện: Phân bổ đều trong kỳ theo thời hạn quy định trên hợp đồng thuê tài sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.17 TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH

Công ty phát hành trái phiếu thường cho mục đích vay dài hạn.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá.

3.18 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ đi các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

3.19 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty mẹ và các Công ty con đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty mẹ và các Công ty con không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty mẹ và các Công ty con đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.19 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP (TIẾP)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

3.20 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chi phí phát hành trái phiếu...

3.21 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.22 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Công ty mẹ và các công ty con áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.22 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (TIẾP)

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty mẹ và các công ty con có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và công ty mẹ và các công ty con có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty mẹ và các công ty con căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.23 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.23 BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

3.24 BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN

Bộ phận được báo cáo là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan (Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (Bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính hợp nhất nội bộ của Công ty. Do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất từng loại sản phẩm và dịch vụ, vì vậy, với mỗi lĩnh vực kinh doanh, Công ty cung cấp các sản phẩm khác nhau, phục vụ cho các thị trường khác nhau.

Báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý. Kết quả của bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Tiền mặt	1.637.006.157	719.154.068
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	30.602.672.408	43.684.219.915
- Tiền gửi tài khoản giao dịch chứng khoán	38.201.459.902	16.100.114.568
- Các khoản tương đương tiền	-	5.000.000.000
Cộng	70.441.138.467	65.503.488.551

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

5.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư ngắn hạn				
- Chứng chỉ tiền gửi	4.000.000.000	-	4.000.000.000	-
Tổng	4.000.000.000	-	4.000.000.000	-

5.2. Chứng khoán kinh doanh

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Tổng giá trị cổ phiếu	245.037.500.000	(*)	226.260.376.285	(*)
Công ty Cổ phần Năng lượng tái tạo Trung Nam	220.000.000.000	(*)	220.000.000.000	(*)
Cổ phiếu khác (**)	25.037.500.000	22.461.665.000	6.260.376.285	4.064.355.700
Tổng giá trị trái phiếu	36.005.160.000	(*)	480.100.002.502	(*)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Trung Nam	-	-	416.879.516.814	(*)
Công ty Cổ phần CMC	30.008.700.000	(*)	48.913.202.963	-
Trái phiếu khác	5.996.460.000	(*)	14.307.282.725	(*)
Chứng khoán và công cụ tài chính khác	39.999.999.788	(*)	39.999.999.788	(*)
Chứng chỉ quỹ đầu tư	39.999.999.788	(*)	39.999.999.788	(*)
Cộng	321.042.659.788	(*)	746.360.378.575	(*)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(**) Giá trị hợp lý của khoản chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu này trên sàn HOSE và Upcom tại ngày 30/06/2025 và 31/12/2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

5.4. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2025			01/01/2025		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Stringee	8.391.011.200	(*)	(5.540.971.829)	8.391.011.200	(*)	(5.416.698.723)
Công ty Cổ phần Bất động sản Thế Kỳ (**)	928.400.000.000	425.546.000.000	(502.854.000.000)	928.400.000.000	394.680.000.000	(533.720.000.000)
Công ty Cổ phần Giáo dục Tuệ Đức Bách Khoa	-	-	-	4.600.000.000	(*)	(2.304.152.969)
	936.791.011.200	(*)	(508.394.971.829)	941.391.011.200	(*)	(541.440.851.692)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(**) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu này trên sàn HOSE tại ngày 30/06/2025 và 31/12/2024.

Thông tin chi tiết về các công ty nhận vốn đầu tư của Công ty vào ngày 30/06/2025 như sau:

Tên công ty nhận đầu tư vốn	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Bất động sản Thế Kỳ	Tầng 1, tòa B Sky City, số 88 Láng Hạ, phường Láng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.	Kinh doanh bất động sản; đầu tư, tư vấn, môi giới các dịch vụ tài chính.	10,91%	10,91%
Công ty Cổ phần Stringee	Tầng 16, tòa nhà văn phòng 2 - Dự án Sun Square, Số 21 Lê Đức Thọ, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi; Lắp trình máy vi tính	8,23%	12,78%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	72.261.626.328	(356.168.704)	120.800.340.839	(356.168.704)
<i>Phải thu bên liên quan</i>	27.567.792.815	-	101.849.388.813	-
- Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	25.182.630.402	-	22.389.627.374	-
- Công ty Cổ phần Biggee	4.000.000	-	4.000.000	-
- Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	2.381.162.413	-	79.455.761.439	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	44.693.833.513	(356.168.704)	18.950.952.026	(356.168.704)
- Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	36.674.128.961	-	15.155.577.765	-
- Các khách hàng khác	8.019.704.552	(356.168.704)	3.795.374.261	(356.168.704)
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	72.261.626.328	(356.168.704)	120.800.340.839	(356.168.704)

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	10.219.067.638	(2.124.637.114)	24.434.942.700	(2.124.637.114)
- Công ty TNHH Bim Kiên Giang	-	-	16.919.087.724	-
- Ông Vương Trung Nguyên	2.000.000.000	(2.000.000.000)	2.000.000.000	(2.000.000.000)
- Các nhà cung cấp khác	8.219.067.638	(124.637.114)	5.515.854.976	(124.637.114)
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	10.219.067.638	(2.124.637.114)	24.434.942.700	(2.124.637.114)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

		30/06/2025		01/01/2025	
		Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn		1.377.342.279.602	-	895.029.007.515	(800.000.000)
<i>Phải thu các bên liên quan</i>		<i>3.100.000.000</i>	<i>-</i>	<i>3.600.000.000</i>	<i>-</i>
- Công ty Cổ phần Biggee (ii)		100.000.000	-	100.000.000	-
- Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT		3.000.000.000	-	3.500.000.000	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>		<i>1.374.242.279.602</i>	<i>-</i>	<i>891.429.007.515</i>	<i>(800.000.000)</i>
- Công ty Cổ phần Dịch vụ và Đầu tư Trustlink (i)		1.360.245.703.602	-	864.751.966.795	-
- Các đối tượng khác (ii)		13.996.576.000	-	26.677.040.720	(800.000.000)
b) Dài hạn		-	-	-	-
Cộng		1.377.342.279.602	-	895.029.007.515	(800.000.000)

- Thông tin chi tiết các khoản cho vay như sau:

Bên vay	Bên cho vay	Mục đích vay	Lãi suất	Thời hạn vay	Hình thức đảm bảo
(i) Công ty Cổ phần Dịch vụ và Đầu tư Trustlink	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư LP.A	Mục đích đầu tư, kinh doanh của Bên Vay	Từ 5,5%/năm đến 10,0%/năm	06 tháng	Đảm bảo bằng các quyền tài sản (bao gồm nhưng không giới hạn các khoản phải thu của Bên vay) và tài sản hình thành từ khoản tiền vay của Hợp đồng vay
	Các Công ty con của Tập đoàn	Mục đích đầu tư, kinh doanh của Bên Vay	Từ 3,0%/năm đến 9,8%/năm	Không quá 12 tháng	
(ii) Các đối tượng khác	Các Công ty con của Tập đoàn	Mục đích đầu tư, kinh doanh của Bên Vay	Từ 0,0%/năm đến 16,0%/năm	Không quá 12 tháng hoặc không thời hạn	Đảm bảo bằng giá trị công trình đã thi công hoặc đảm bảo bằng các tài sản được hình thành từ khoản vay và các tài sản khác của Bên vay với giá trị tương đương bằng giá trị khoản vay để đảm bảo nghĩa vụ quy định tại hợp đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

9. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	306.919.850.707	(3.495.764.698)	78.333.043.803	(3.495.764.698)
<i>Phải thu khác bên liên quan</i>	<i>196.660.948.089</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
- Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	196.660.948.089	-	-	-
<i>Phải thu khác đối tượng khác</i>	<i>110.258.902.618</i>	<i>(3.495.764.698)</i>	<i>78.333.043.803</i>	<i>(3.495.764.698)</i>
- Phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay, trái tức	37.262.778.729	-	12.027.327.711	-
- Phải thu về cổ tức, lợi nhuận được chia	20.000.000	(20.000.000)	20.000.000	(20.000.000)
- Kinh phí giải phóng mặt bằng Dự án Khu đô thị mới hai bên đường Nguyễn Thái Học, quận Thốt Nốt (1)	19.105.084.881	-	19.105.084.881	-
- Trung tâm Giải phóng mặt bằng và Môi trường đô thị (2)	10.570.288.983	-	10.570.288.983	-
- Tạm ứng	31.966.990.822	(2.995.764.698)	25.203.567.183	(2.995.764.698)
- Hợp tác thành lập quỹ đầu tư	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
- Phải thu khác	1.333.759.203	(480.000.000)	1.406.775.045	(480.000.000)
b) Dài hạn	15.349.816.245	-	19.349.816.245	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	15.349.816.245	-	19.349.816.245	-
+ <i>Ký quỹ Dự án Khu đô thị mới hai bên đường Nguyễn Thái Học, quận Thốt Nốt</i>	<i>12.422.387.000</i>	<i>-</i>	<i>12.422.387.000</i>	<i>-</i>
+ <i>Các khoản ký quỹ khác</i>	<i>2.927.429.245</i>	<i>-</i>	<i>6.927.429.245</i>	<i>-</i>
Cộng	322.269.666.952	(3.495.764.698)	97.682.860.048	(3.495.764.698)

(1) Khoản trả trước kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đợt 1 dự án Khu đô thị hai bên đường Nguyễn Thái Học, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ theo Quyết định số 2789/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân quận Thốt Nốt ngày 01/11/2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

9. PHẢI THU KHÁC (TIẾP)

- (2) Khoản tạm ứng cho Trung tâm Giải phóng mặt bằng và Môi trường đô thị hỗ trợ cho các hộ dân bị ảnh hưởng bởi dự án Khu nhà ở thương mại Xanh Anvie Hà My. Theo Quyết định số 289/TB-UBND ngày 24/06/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam (nay là Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng), Công ty Cổ phần Bất động sản Anvie Hội An được chấp thuận thực hiện dự án thí điểm này.

10. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	8.133.070.645	(99.069.685)	5.230.706.231	(99.069.685)
Công cụ, dụng cụ	8.068.000	-	256.726.436	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	29.345.599.165	-	6.207.573.605	-
Thành phẩm	4.756.385.755	-	6.771.559.429	-
Hàng hóa	10.530.110.672	-	6.289.805.624	-
Cộng	52.773.234.237	(99.069.685)	24.756.371.325	(99.069.685)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỖ DẠNG

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang				
- Dự án Khu sinh thái Lũng Xuân (1)	65.707.395.794	65.707.395.794	52.511.764.526	52.511.764.526
- Dự án Khu đô thị mới hai bên đường Nguyễn Thái Học, quận Thốt Nốt (2)	7.143.397.520	7.143.397.520	7.143.397.520	7.143.397.520
- Dự án Tòa nhà văn phòng, trung tâm nghiên cứu và giới thiệu sản phẩm Ong (3)	20.228.619.062	20.228.619.062	19.599.899.090	19.599.899.090
- Căn biệt thự phố tại dự án Khu phố PALM GARDEN Phú Quốc (4)	14.221.894.295	14.221.894.295	12.541.894.295	12.541.894.295
- Các dự án khác	17.899.294.830	17.899.294.830	-	-
Sửa chữa lớn TSCĐ	6.214.190.087	6.214.190.087	13.226.573.621	13.226.573.621
	452.492.291	452.492.291	550.340.291	550.340.291
Cộng	66.159.888.085	66.159.888.085	53.062.104.817	53.062.104.817

- (1) Dự án được cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 251031000075 ngày 29/02/2008 của UBND tỉnh Hòa Bình với tổng mức đầu tư là khoảng 448 tỷ VND, chủ đầu tư là Công ty CP Đầu tư Phát triển Lũng Xuân (Công ty con của Công ty), tổng diện tích quy hoạch 199,08 ha tại xã Tiến Xuân, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình (nay là xã Yên Xuân, Hà Nội).
- (2) Dự án khu đô thị mới hai bên đường Nguyễn Thái Học, quận Thốt Nốt được Ủy ban Nhân dân thành phố Cần Thơ quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư theo Quyết định số 1535/QĐ-UBND ngày 25/06/2019, tổng vốn đầu tư dự kiến khoảng 621 tỷ VND, mục đích xây dựng khu đô thị với diện tích khoảng 22ha. Thời gian hoạt động dự án là 50 năm. Dự án đang trong giai đoạn giải phóng mặt bằng.
- (3) Dự án Tòa nhà văn phòng, trung tâm nghiên cứu và giới thiệu sản phẩm Ong được Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư theo Quyết định số 2413/QĐ-UBND ngày 11/06/2020, quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư theo Quyết định số 3619/QĐ-UBND ngày 14/07/2023, tổng vốn đầu tư dự kiến 618 tỷ VND, mục tiêu đầu tư là để xây dựng tòa nhà văn phòng (trụ sở làm việc và văn phòng cho thuê), trung tâm nghiên cứu, dịch vụ, giới thiệu và phân phối sản phẩm. Thời gian hoạt động của dự án là 50 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG (TIẾP)

- (4) Hợp đồng mua bán Biệt thự phố số 78/2020/PG-90/01/HĐMB/PQ PALM GARDEN với Công ty TNHH BIM Kiên Giang ngày 02/11/2020 thuộc Dự án Khu phố PALM GARDEN Phú Quốc, khu phức hợp Bãi Trường, xã Dương Tơ, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, Việt Nam (nay là Đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang). Mục đích để sử dụng kinh doanh hỗn hợp phù hợp với quy định cơ quan nhà nước. Thời hạn sử dụng đất (Phần diện tích xây dựng: lâu dài và Phần diện tích còn lại : 70 năm). Dự án đang trong giai đoạn hoàn thiện các thủ tục (cấp sổ đỏ,...) để đưa vào sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc		Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cây lâu năm sức vật làm việc và cho sản phẩm		TSCĐ HH khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ									
01/01/2025	842.870.044.014	338.233.363.583		6.867.469.001	6.258.537.879	226.160.265		898.551.799	1.195.354.126.541
- Mua trong kỳ	-	12.473.223.204		581.400.000	192.886.819	-		-	13.247.510.023
30/06/2025	842.870.044.014	350.706.586.787		7.448.869.001	6.451.424.698	226.160.265		898.551.799	1.208.601.636.564
HAO MÒN LŨY KẾ									
01/01/2025	(332.442.808.925)	(249.727.311.164)		(3.088.893.187)	(2.779.573.906)	(226.160.265)		(621.953.800)	(588.886.701.247)
- Khấu hao trong kỳ	(15.370.800.626)	(12.043.413.418)		(569.976.626)	(490.103.801)	-		(82.706.064)	(28.557.000.535)
30/06/2025	(347.813.609.551)	(261.770.724.582)		(3.658.869.813)	(3.269.677.707)	(226.160.265)		(704.659.864)	(617.443.701.782)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI									
01/01/2025	510.427.235.089	88.506.052.419		3.778.575.814	3.478.963.973	-		276.597.999	606.467.425.294
30/06/2025	495.056.434.463	88.935.862.205		3.789.999.188	3.181.746.991	-		193.891.935	591.157.934.782

- Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm khoản vay tại ngày 30/06/2025 là 165.567.764.130 VND.
(tại ngày 01/01/2025 là 169.981.789.056 VND).

- Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2025 số tiền là: 15.010.998.246 VND.
(tại ngày 01/01/2025 là 14.867.394.955 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Nhãn hiệu hàng hóa <u>VND</u>	Phần mềm máy vi tính <u>VND</u>	TSCĐ vô hình khác <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ				
01/01/2025	356.250.000	47.608.322.166	440.000.000	48.404.572.166
- Mua trong kỳ	-	1.077.220.000	-	1.077.220.000
30/06/2025	356.250.000	48.685.542.166	440.000.000	49.481.792.166
HAO MÒN LŨY KẾ				
01/01/2025	(251.203.705)	(31.900.287.544)	(440.000.000)	(32.591.491.249)
- Khấu hao trong kỳ	(35.625.000)	(6.538.654.889)	-	(6.574.279.889)
30/06/2025	(286.828.705)	(38.438.942.433)	(440.000.000)	(39.165.771.138)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
01/01/2025	105.046.295	15.708.034.622	-	15.813.080.917
30/06/2025	69.421.295	10.246.599.733	-	10.316.021.028

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2025 là: 10.793.182.781 VND (tại ngày 01/01/2025 là 2.443.218.642 VND)

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	01/01/2025 <u>VND</u>	Tăng trong kỳ <u>VND</u>	Giảm trong kỳ <u>VND</u>	30/06/2025 <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ	17.403.806.849	-	-	17.403.806.849
- Quyền sử dụng đất	4.537.500.000	-	-	4.537.500.000
- Nhà	12.866.306.849			12.866.306.849
HAO MÒN LŨY KẾ	(5.934.495.996)	(109.177.350)	-	(6.043.673.346)
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	(5.934.495.996)	(109.177.350)	-	(6.043.673.346)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	11.469.310.853	-	109.177.350	11.360.133.503
- Quyền sử dụng đất	4.537.500.000	-	-	4.537.500.000
- Nhà	6.931.810.853	-	109.177.350	6.822.633.503

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (TIẾP)

Chi tiết danh mục bất động sản đầu tư tại 30/06/2025:

	NGUYÊN GIÁ	GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	GIÁ TRỊ CÒN LẠI
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
- Quyền sử dụng đất lâu dài tại Phường Hội An Đông, TP Đà Nẵng	4.537.500.000	-	4.537.500.000
- Quyền sử dụng đất lâu dài ở số 20 Lê Đại Hành, Phường Hồng Bàng, TP Hải Phòng	7.390.386.263	3.347.729.023	4.042.657.240
- Căn hộ B-0408 tại Cao ốc Manor, 91 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP Hồ Chí Minh	5.475.920.586	2.695.944.323	2.779.976.263
Tổng	17.403.806.849	6.043.673.346	11.360.133.503

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2025	01/01/2025
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a) Ngắn hạn	5.746.947.438	2.934.940.588
- Chi phí bảo hiểm	457.794.040	1.030.155.000
- Chi phí thuê văn phòng	1.338.982.524	1.166.450.753
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	420.409.688	256.115.614
- Chi phí công nghệ thông tin	1.619.934.429	458.770.892
- Chi phí thuê đất	1.875.514.800	-
- Các khoản khác	34.311.957	23.448.329
b) Dài hạn	141.328.364.681	133.395.037.595
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.282.067.521	2.091.369.059
- Chi phí sửa chữa cải tạo	6.995.522.270	6.701.602.298
- Phí tư vấn pháp lý cấp quyền sử dụng đất tại 19 Trúc Khê (1)	2.855.555.567	2.922.222.233
- Lợi thế quyền thuê đất (2)	118.325.159.629	121.184.934.485
- Chi phí công nghệ thông tin	9.949.741.903	-
- Các khoản khác	920.317.791	494.909.520
Cộng	147.075.312.119	136.329.978.183

- (1) Chi phí phân bổ tương ứng với thời gian sử dụng đất tại số 19 Trúc Khê, phường Láng, thành phố Hà Nội đến năm 2046.
- (2) Tại thời điểm đạt quyền kiểm soát tại Công ty Cổ phần Ong Trung ương, Tập đoàn đã ghi nhận giá trị Lợi thế quyền thuê đất của Công ty con này theo giá trị hợp lý với số tiền 154.886.038.169 VND, chi phí phân bổ trong kỳ này là 2.859.774.856 VND tương ứng với thời gian sử dụng đất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

16. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Công ty Cổ phần Khách sạn Du lịch Đại Dương	Công ty Cổ phần Năng lượng Bắc Hà	Công ty Cổ phần Cơ khí Ngành In	Công ty Cổ phần Ong Trung ương	Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
01/01/2025	9.215.886.844	1.139.840.432	7.247.912.227	51.773.781.815	29.002.355.466	98.379.776.784
30/06/2025	9.215.886.844	1.139.840.432	7.247.912.227	51.773.781.815	29.002.355.466	98.379.776.784
HAO MÒN LŨY KẾ						
01/01/2025	(6.911.915.130)	(1.139.840.432)	(6.523.121.007)	(30.201.372.728)	(3.141.921.843)	(47.918.171.140)
- Phân bổ trong kỳ	(460.794.342)	-	(362.395.611)	(2.588.689.091)	(1.450.117.773)	(4.861.996.817)
30/06/2025	(7.372.709.472)	(1.139.840.432)	(6.885.516.618)	(32.790.061.819)	(4.592.039.616)	(52.780.167.957)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
01/01/2025	2.303.971.714	-	724.791.220	21.572.409.087	25.860.433.623	50.461.605.644
30/06/2025	1.843.177.372	-	362.395.609	18.983.719.996	24.410.315.850	45.599.608.827

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	6.606.737.808	6.606.737.808	5.289.500.829	5.289.500.829
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	630.722.293	630.722.293	4.889.639	4.889.639
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	413.083.627	413.083.627	-	-
Tổng Công ty CP Bảo hiểm Bưu điện	217.638.666	217.638.666	4.889.639	4.889.639
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	5.976.015.515	5.976.015.515	5.284.611.190	5.284.611.190
Công ty TNHH Bim Kiên Giang	980.207.106	980.207.106	-	-
Tập chí Cộng sản	-	-	1.118.569.654	1.118.569.654
Phải trả các đối tượng khác	4.995.808.409	4.995.808.409	4.166.041.536	4.166.041.536
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	6.606.737.808	6.606.737.808	5.289.500.829	5.289.500.829

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	263.935.185	263.935.185	1.630.433.731	1.630.433.731
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	-	-	1.520.734.748	1.520.734.748
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	-	-	1.520.734.748	1.520.734.748
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	263.935.185	263.935.185	109.698.983	109.698.983
Các đối tượng khác	263.935.185	263.935.185	109.698.983	109.698.983
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	263.935.185	263.935.185	1.630.433.731	1.630.433.731

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)									
(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)									
19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH									
Nội dung	30/06/2025			Trong kỳ			01/01/2025		
	Giá trị		Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị		Số có khả năng trả nợ	
	VND	VND				VND	VND		VND
a) Vay ngắn hạn	44.459.526.000	44.459.526.000		66.128.947.945	133.928.454.794	112.259.032.849	112.259.032.849		112.259.032.849
Bên khác	32.459.526.000	32.459.526.000		60.128.947.945	27.928.947.945	259.526.000	259.526.000		259.526.000
- Các cá nhân (1)	32.459.526.000	32.459.526.000		60.128.947.945	27.928.947.945	259.526.000	259.526.000		259.526.000
Vay dài hạn đến hạn trả	12.000.000.000	12.000.000.000		6.000.000.000	105.999.506.849	111.999.506.849	111.999.506.849		111.999.506.849
- Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam (2)	12.000.000.000	12.000.000.000		6.000.000.000	6.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000		12.000.000.000
- Trái phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A (4)	-	-	-	-	99.999.506.849	99.999.506.849	99.999.506.849		99.999.506.849
+ Mệnh giá trái phiếu	-	-	-	-	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000		100.000.000.000
+ Chi phí phát hành	-	-	-	-	(493.151)	(493.151)	(493.151)		(493.151)
b) Vay dài hạn	3.660.008.416.966	3.660.008.416.966		4.000.000.000	5.765.923.243	3.661.774.340.209	3.661.774.340.209		3.661.774.340.209
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (2)	21.980.404.782	21.980.404.782		-	6.000.000.000	27.980.404.782	27.980.404.782		27.980.404.782
- Các cá nhân (3)	16.959.887.250	16.959.887.250		4.000.000.000		12.959.887.250	12.959.887.250		12.959.887.250
- Trái phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A (4)	3.296.470.879.725	3.296.470.879.725		-	(183.576.757)	3.296.287.302.968	3.296.287.302.968		3.296.287.302.968
+ Mệnh giá trái phiếu	3.298.000.000.000	3.298.000.000.000		-	-	3.298.000.000.000	3.298.000.000.000		3.298.000.000.000
+ Chi phí phát hành	(1.529.120.275)	(1.529.120.275)		-	(183.576.757)	(1.712.697.032)	(1.712.697.032)		(1.712.697.032)
- Trái phiếu Công ty Cổ phần Năng lượng Bắc Hà (5)	324.597.245.209	324.597.245.209		-	(50.500.000)	324.546.745.209	324.546.745.209		324.546.745.209
+ Mệnh giá trái phiếu	325.000.000.000	325.000.000.000		-	-	325.000.000.000	325.000.000.000		325.000.000.000
+ Chi phí phát hành	(402.754.791)	(402.754.791)		-	(50.500.000)	(453.254.791)	(453.254.791)		(453.254.791)
Cộng	3.704.467.942.966	3.704.467.942.966		70.128.947.945	139.694.378.037	3.774.033.373.058	3.774.033.373.058		3.774.033.373.058

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Thông tin các khoản vay

STT	Bên cho vay	Bên vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
(1)	Cán bộ công nhân viên và người nuôi ong	Công ty Cổ phần Trung ương (Công ty con của Tập đoàn)	Không quá 12 tháng	Từ 0,0%/năm đến 8,0%/năm	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Tín chấp
	Cá nhân khác	Công ty Cổ phần Stockbook (Công ty con của Tập đoàn)	03 tháng	7,88%/năm	Mục đích đầu tư, kinh doanh của Bên Vay	Số dư tài khoản giao dịch chứng khoán của Bên Vay
(2)	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam	Công ty Cổ phần Năng lượng Bắc Hà (Công ty con của Tập đoàn)	Theo từng khế ước nhận nợ	Theo từng khế ước nhận nợ	Tài trợ vốn đầu tư cho Dự án Nhà máy Thủy điện Phăng B	- Tài sản hình thành từ vốn vay bao gồm toàn bộ giá trị công trình, thiết bị, tài sản hình thành từ Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Phăng B - Cổ phần Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT (số lượng: 17.125.000 cổ phiếu, không bao gồm cổ phiếu ưu đãi biểu quyết) thuộc quyền sở hữu của Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A.

(3)	Các cá nhân	Công ty Cổ phần Thực phẩm Homefood (Công ty con của Tập đoàn)	05 năm	5%/năm	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Tín chấp
-----	-------------	---	--------	--------	---------------------------------------	----------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Thông tin về trái phiếu

Ngày phát hành	Đại lý phát hành	Thời hạn trái phiếu	Lãi suất	Mục đích phát hành	Hình thức đảm bảo	Mệnh giá VND
(4) Trái phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A						
05/06/2024	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	5 năm	9,5%/năm	Cơ cấu lại các khoản nợ theo các hợp đồng vay và các khoản công nợ khác phù hợp với quy định của pháp luật.	Tín chấp	317.000.000.000
27/06/2024	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	5 năm	9,5%/năm	Cơ cấu lại các khoản nợ các trái phiếu đang lưu hành của Công ty phù hợp với quy định của các điều kiện, điều khoản của các trái phiếu và quy định của pháp luật.	Tín chấp	735.000.000.000
02/08/2024	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	5 năm	9,5%/năm	Cơ cấu lại các khoản nợ các trái phiếu đang lưu hành của Công ty phù hợp với quy định của các điều kiện, điều khoản của các trái phiếu và quy định của pháp luật.	Tín chấp	1.096.000.000.000
05/11/2024	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	5 năm	9,5%/năm	Cơ cấu lại các khoản nợ các trái phiếu đang lưu hành của Công ty phù hợp với quy định của các điều kiện, điều khoản của các trái phiếu và quy định của pháp luật.	Tín chấp	600.000.000.000
04/12/2024	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	5 năm	9,5%/năm	Cơ cấu lại các khoản nợ các trái phiếu đang lưu hành của Công ty phù hợp với quy định của các điều kiện, điều khoản của các trái phiếu và quy định của pháp luật.	Tín chấp	550.000.000.000
(5) Trái phiếu Công ty Cổ phần Năng lượng Bắc Hà						
27/06/2024	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	5 năm	9,5%/năm	Cơ cấu lại các khoản nợ (bao gồm nợ vay, nợ trái phiếu và các khoản công nợ khác) phù hợp với quy định của pháp luật.	Tín chấp	325.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	01/01/2025		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		30/06/2025
	VND		VND		VND		VND
Thuế và các khoản phải nộp							
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	2.457.475.718		11.165.241.206		10.387.350.039		3.235.366.885
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	44.651.328.999		10.560.722.880		44.626.673.043		10.585.378.836
- Thuế thu nhập cá nhân	2.438.007.731		7.799.174.169		5.998.281.259		4.238.900.641
- Thuế tài nguyên	569.764.487		3.451.419.131		2.817.500.244		1.203.683.374
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	52.262.151		3.598.260.680		1.830.346.050		1.820.176.781
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.064.029.644		1.268.328.973		1.611.790.033		720.568.584
	51.232.868.730	37.843.147.039			67.271.940.668		21.804.075.101
	01/01/2025		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		30/06/2025
	VND		VND		VND		VND
Thuế và các khoản phải thu							
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	9.470.501		6.924.320		-		2.546.181
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	216.546.424		-		-		216.546.424
- Thuế thu nhập cá nhân	22.798		-		218.260.519		218.283.317
- Phí, lệ phí và các khoản khác	-		-		2.000.000		2.000.000
	226.039.723	6.924.320			220.260.519		439.375.922

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	169.609.597.560	138.899.075.216
- Chi phí lãi tiền vay	708.067.529	242.305.556
- Lãi trái phiếu phát hành	165.326.136.986	133.607.815.023
- Phí phát hành trái phiếu	-	1.420.000.000
- Chi phí xây dựng nhà máy Thủy điện Nậm Phàng B	3.460.640.043	3.460.640.043
- Chi phí phải trả khác	114.753.002	168.314.594
b) Dài hạn	-	-
Cộng	169.609.597.560	138.899.075.216

22. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	21.892.515.396	92.796.487.599
- Kinh phí công đoàn	2.961.072.836	2.506.415.136
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.619.247.720	1.619.247.720
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	17.017.714.685	4.212.439.685
- Nhận đặt cọc	-	80.000.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	294.480.155	4.458.385.058
b) Dài hạn	403.576.000.000	4.011.000.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3.576.000.000	4.011.000.000
- Nhận đặt cọc (*)	400.000.000.000	-
c) Trong đó: Bên liên quan	412.637.575.400	87.121.274.000
- Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	402.823.000.000	82.686.000.000
- Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bru điện	1.253.000.000	1.325.000.000
- Ông Vũ Hiền	4.501.575.400	1.660.274.000
- Bà Phạm Minh Hương	4.060.000.000	1.450.000.000
Cộng	425.468.515.396	96.807.487.599

(*) Khoản nhận đặt cọc của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng số 01-2025/HĐĐC ngày 18/03/2025 ký giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT và Công ty Cổ phần Cơ khí Ngành In về việc: Bảo đảm giao kết và thực hiện Hợp đồng chuyển nhượng Tòa nhà Văn Phòng của Công ty Cổ phần Cơ khí Ngành In tại địa chỉ 90 Pasteur, Phường Sài Gòn, TP.Hồ Chí Minh. Số tiền đặt cọc: 200 tỷ VND, thời gian đặt cọc 60 tháng;

- Hợp đồng số 01-2025/HĐĐC/ONG-VND ngày 01/4/2025 ký giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT và Công ty Cổ phần Ong Trung Ương về việc: Bảo đảm giao kết và thực hiện Hợp đồng thuê Khu văn phòng hình thành trong tương lai tại Dự án Tòa nhà văn phòng, trung tâm nghiên cứu và giới thiệu sản phẩm Ong của Công ty Cổ phần Ong Trung Ương tại địa chỉ số 19 Trúc Khê, phường Láng, Hà Nội. Số tiền đặt cọc: 200 tỷ VND, thời gian đặt cọc 48 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

23.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Vốn khác của chủ sở hữu		Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND		VND	VND		VND	VND		VND
01/01/2024	2.138.357.750.000	32.049.837.180	(23.031.799.000)	64.268.511.754	635.671.910	1.541.254.134.910	307.069.587.453	510.000.000	4.060.603.694.207			
- Ảnh hưởng do công ty con tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	510.000.000			510.000.000
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-				
- Bán cổ phiếu quỹ	-	-	23.031.799.000	-	-	-	-	-				470.122.580.868
- Ảnh hưởng do thay đổi cơ cấu sở hữu công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-				23.031.799.000
- Ảnh hưởng do biến động vốn chủ sở hữu tại công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-				
- Ảnh hưởng do thay đổi tỷ lệ tại Công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	-	-				13.953.834
- Ảnh hưởng do biến động vốn chủ sở hữu tại công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	-	-				
- Giám khác	-	-	-	-	-	-	-	-				
31/12/2024	2.138.357.750.000	32.049.837.180	-	64.268.503.228	635.671.910	1.908.444.893.087	354.867.274.939	4.498.623.930.344				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

23.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Vốn khác của chủ sở hữu		Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2025	2.138.357.750.000	32.049.837.180	-	64.268.503.228	635.671.910	1.908.444.893.087	354.867.274.939	4.498.623.930.344		
- Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	124.917.976.390	19.050.812.626	143.968.789.016		
- Ảnh hưởng do thay đổi cơ cấu sở hữu Công ty con	-	-	-	-	-	7.530.321.031	(64.224.119.487)	(56.693.798.456)		
- Ảnh hưởng do công ty con phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	189.081.154.589	(13.749.082.078)	175.332.072.511		
- Ảnh hưởng do biến động VCSH tại công ty con	-	-	-	-	-	93.542.997.570	(93.542.997.570)	-		
- Ảnh hưởng do biến động VCSH tại công ty liên kết	-	-	-	-	-	(222.236.786.717)	-	(222.236.786.717)		
- Giám khác	-	-	-	-	-	(600.000.000)	-	(600.000.000)		
30/06/2025	2.138.357.750.000	32.049.837.180	-	64.268.503.228	635.671.910	2.100.680.555.950	202.401.888.430	4.538.394.206.698		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

23.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Công ty TNHH Quản lý Đầu tư H&H	1.185.732.000.000	1.185.732.000.000
- Bà Lương Thu Hằng	112.245.600.000	112.245.600.000
- Vốn của các cổ đông khác	840.380.150.000	840.380.150.000
Cộng	2.138.357.750.000	2.138.357.750.000

23.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
+ Vốn góp đầu kỳ	2.138.357.750.000	2.138.357.750.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	2.138.357.750.000	2.138.357.750.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ	4.212.439.685	12.023.005.685
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ	40.758.934.000	
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(27.953.659.000)	(11.435.816.000)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(27.953.659.000)	(11.435.816.000)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ	17.017.714.685	587.189.685

23.4 CỔ PHIẾU

	30/06/2025	01/01/2025
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	213.835.775	213.835.775
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	213.835.775	213.835.775
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	213.835.775	213.835.775
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	213.835.775	213.835.775
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	213.835.775	213.835.775
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

23.5 CÁC QUỸ

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	64.268.503.228	64.268.503.228
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	635.671.910	635.671.910

24. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT HOẠT ĐỘNG

Nợ khó đòi đã xử lý

Đối tượng	Nguyên nhân	Thời gian xử lý	VND
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Gang thép Kim Sơn	Không còn khả năng thu hồi	31/12/2021	150.000.000
Nhân viên đã nghỉ việc	Không còn khả năng thu hồi	31/12/2021	308.995.513

25. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
Doanh thu	190.669.868.348	249.185.413.865
Doanh thu bán điện thương phẩm	74.729.601.327	81.005.924.623
Doanh thu bán thành phẩm	4.329.410.761	6.373.773.562
Doanh thu bán hàng hóa	16.172.114.449	15.470.581.239
Doanh thu cung cấp dịch vụ	95.438.741.811	142.945.354.248
Doanh thu từ hợp tác kinh doanh (*)	-	3.389.780.193
Cộng	190.669.868.348	249.185.413.865

(*) Doanh thu tiền thuê đất và dịch vụ có liên quan của Công ty Cổ phần Cơ khí Ngành in tại khu đất 90 Pasteur, Quận 1, TP Hồ Chí Minh và doanh thu cho thuê nhà kho, nhà xưởng của Công ty Cổ phần Ong Trung Ương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Giá vốn bán điện thương phẩm	37.760.994.013	37.648.847.689
Giá vốn của thành phẩm đã bán	2.131.174.163	2.647.088.242
Giá vốn của hàng hóa đã bán	9.942.227.480	8.990.428.326
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	59.448.553.920	82.374.965.645
Giá vốn từ hợp tác kinh doanh	-	912.278.316
Phân bổ lợi thế quyền thuê đất	2.859.774.856	2.875.574.717
Cộng	112.142.724.432	135.449.182.935

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay, lãi trái phiếu	47.820.688.107	52.867.412.745
- Lãi chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính dài hạn	4.310.000.000	26.024.427.230
- Lãi chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh	9.175.168.081	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	202.942.641.500	4.975.127.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	38.362.979	-
Cộng	264.286.860.667	83.866.966.975

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
- Lãi trái phiếu, lãi tiền vay	174.501.885.375	182.162.005.615
- Dự phòng/ Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(32.670.474.624)	30.764.433.740
- Chi phí hoạt động tài chính khác	915.786.184	1.018.326.885
Cộng	142.747.196.935	213.944.766.240

29. PHÂN LÃI HOẶC LỖ TRONG CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Lãi, lỗ từ công ty liên kết	(1.881.521.578)	260.025.543.656
	(1.881.521.578)	260.025.543.656

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

30. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	34.499.454.213	28.394.967.178
- Chi phí nhân công	16.048.677.715	14.082.577.373
- Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	434.905.315	615.854.451
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.678.714.850	811.919.932
- Thuế, phí và lệ phí	868.891.609	1.136.742.187
- Hoàn nhập chi phí dự phòng	(800.000.000)	(758.965.076)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.785.997.135	4.961.336.303
- Chi phí bằng tiền khác	3.620.270.772	2.683.505.191
- Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	4.861.996.817	4.861.996.817
Các khoản chi phí bán hàng	8.956.779.985	6.743.994.826
- Chi phí nguyên vật liệu	457.427.040	540.268.977
- Chi phí nhân công	5.496.764.491	4.846.797.775
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	303.461.698	291.516.158
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.664.561.553	677.595.232
- Chi phí khác bằng tiền	1.034.565.203	387.816.684
Cộng	43.456.234.198	35.138.962.004

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tại Công ty mẹ và các công ty con	10.564.822.880	17.231.875.837

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

32.1 Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
- Thuế suất Thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản Thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	86.321.116.875	86.530.945.469
	86.321.116.875	86.530.945.469

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI (TIẾP)

32.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Thuế suất Thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	36.579.712.045	37.826.483.758
	36.579.712.045	37.826.483.758

32.3 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(785.941.118)	(831.350.428)
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(251.002.000)	-
	(1.036.943.118)	(831.350.428)

33. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
- Chi phí nguyên vật liệu	6.859.657.319	14.455.405.458
- Chi phí nhân công	79.900.892.949	78.561.044.728
- Khấu hao tài sản cố định	40.102.454.591	40.284.566.707
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.255.554.661	16.822.197.506
- Chi phí bằng tiền khác	18.544.697.427	19.922.807.128
	172.663.256.947	170.046.021.527

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

34. LÃI CƠ BẢN/ SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ (VND)	124.917.976.390	166.562.190.496
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	124.917.976.390	166.562.190.496
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu bình quân đang lưu hành trong kỳ (CP)	213.835.775	213.835.775
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	584	779

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu, do đó, Công ty xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

35. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

36. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận được báo cáo là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan (Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (Bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu, các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Lĩnh vực dịch vụ tài chính
- Lĩnh vực sản xuất điện thương phẩm
- Lĩnh vực giải pháp doanh nghiệp
- Lĩnh vực thực phẩm F&B
- Lĩnh vực khác: Dịch vụ khác, bất động sản, hàng hóa,...

Bộ phận theo lĩnh vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

36. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Dịch vụ tài chính	Sản xuất điện thương phẩm	Giải pháp doanh nghiệp	Thực phẩm F&B	BDS và các lĩnh vực khác	Tổng cộng các bộ phần	Loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần từ bán hàng	28.171.243.853	74.729.601.327	48.860.671.331	28.741.830.289	17.444.316.352	197.947.663.152	(7.316.275.539)	190.631.387.613
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	20.403.040.123	36.968.607.314	10.734.693.041	11.223.746.783	3.570.396.992	82.900.484.253	(4.411.821.072)	78.488.663.181
Tổng chi phí mua tài sản cố định	18.528.014.802	705.805.000	10.749.712.728	2.770.389.091	266.617.273	33.020.538.894	-	33.020.538.894
Tài sản bộ phận	6.215.005.528.932	1.044.914.216.977	292.551.927.709	578.640.344.179	1.374.149.489.065	9.418.940.389.987	(587.352.898.984)	8.831.587.491.003
Tài sản không phân bổ						86.321.116.875	45.599.608.827	131.920.725.702
Tổng tài sản	6.215.005.528.932	1.044.914.216.977	292.551.927.709	578.640.344.179	1.374.149.489.065	9.505.261.506.862	(541.753.290.157)	8.963.508.216.705
Nợ phải trả các bộ phận	3.537.909.670.422	550.266.445.585	41.586.782.884	329.062.594.966	403.119.402.979	4.780.939.402.462	(436.830.886.829)	4.344.108.515.633
Nợ phải trả không phân bổ						81.005.494.374	-	81.005.494.374
Tổng nợ phải trả	3.537.909.670.422	550.266.445.585	41.586.782.884	329.062.594.966	403.119.402.979	4.861.944.896.836	(436.830.886.829)	4.425.114.010.007

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

36. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Theo khu vực địa lý

	Lào Cai	Hà Nội	TP Hồ Chí Minh	Cần Thơ	Hải Phòng	Đà Nẵng	Loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần từ bán hàng	94.274.865.987	103.655.397.165	-	-	-	17.400.000	(7.316.275.539)	190.631.387.613
Tổng chi phí mua tài sản cố định	705.805.000	32.048.116.621	266.617.273	-	-	-	-	33.020.538.894
Tài sản bộ phận	1.050.309.322.830	7.886.584.500.528	302.628.152.875	1.325.386.630	14.117.863.321	163.975.163.803	(587.352.898.984)	8.831.587.491.003

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

37. THÔNG TIN KHÁC

37.1 NGHIỆP VỤ VÀ SƠ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty có phát sinh giao dịch trong kỳ như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ủy ban kiểm toán, Ban Kiểm soát	Có ảnh hưởng đáng kể
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hội An	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Phát triển Điện Trà Vinh	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Giải pháp phần mềm tài chính	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Biggee	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nam Cần Thơ	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Anvie Nine South	Công ty liên kết
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	Thành viên HĐQT Công ty là bà Phạm Minh Hương đồng thời là Chủ tịch HĐQT bên liên quan; Thành viên HĐQT Công ty là Ông Vũ Hoàng Hà đồng thời là thành viên HĐQT bên liên quan
Công ty TNHH Quản lý Đầu tư H&H	Cổ đông lớn

Thu nhập của Ban Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị

		Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
		VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc		573.500.000	573.500.000
Họ và tên	Chức vụ		
Ông Mai Hữu Đạt	Tổng Giám đốc	573.500.000	573.500.000

		Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
		VND	VND
Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị		330.000.000	290.391.304
Họ và tên	Chức vụ		
Ông Vũ Hiền	Chủ tịch	138.000.000	113.000.000
Bà Phạm Minh Hương	Thành viên	48.000.000	48.000.000
Bà Nguyễn Ngọc Thanh	Thành viên	48.000.000	48.000.000
Ông Vũ Hoàng Hà	Thành viên	48.000.000	48.000.000
Bà Vũ Nam Hương	Thành viên	-	32.000.000
	(đến ngày 16/05/2024)		
Ông Nguyễn Vũ Long	Thành viên	48.000.000	1.391.304
	(từ ngày 20/06/2024)		
Cộng		330.000.000	290.391.304

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

37. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

37.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Giao dịch giữa Công ty mẹ và Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	13.989.094.589	9.244.575.292
Mua trái phiếu	-	403.631.210.200
Nhận chuyển nhượng vốn góp	22.358.000.000	-
Chuyển nhượng trái phiếu	426.042.128.253	598.735.529.544
Phí phát hành trái phiếu, phí lưu ký, phí đại lý, phí giao dịch	624.908.804	532.312.257
Lãi từ hoạt động chuyển nhượng trái phiếu	9.162.611.447	8.830.020.920
Tiền điện, nước sinh hoạt thu hộ	597.893.700	620.553.716
Cổ tức lợi nhuận được chia	196.659.238.500	-
Bán trái phiếu phát hành	-	1.052.000.000.000
Mua lại trái phiếu trước hạn	-	600.000.000.000
Giao dịch giữa Công ty Cổ phần Cơ khí Ngành In và Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT		
Nhận tiền đặt cọc	200.000.000.000	-
Doanh thu hợp tác kinh doanh	-	3.226.166.193
Tiền điện, nước sinh hoạt thu hộ	573.687.114	636.771.858
Giao dịch giữa Công ty Cổ phần Thực phẩm Homefood và Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	5.115.773.913	4.142.320.285
Giao dịch giữa Công ty Cổ phần Thực phẩm Homefood và Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	2.150.349.716	2.869.091.802
Chi phí thuê tài sản, mua hàng hóa, dịch vụ	518.125.027	66.000.000
Giao dịch giữa Công ty Cổ phần Năng lượng Bắc Hà và Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT		
Bán trái phiếu phát hành	-	325.000.000.000
Phí phát hành trái phiếu phân bổ	-	79.634.702
Giao dịch giữa Công ty Cổ phần Ong Trung Ương và Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT		
Doanh thu cho thuê tài sản	-	136.363.635
Nhận tiền đặt cọc	200.000.000.000	-
Trả tiền đặt cọc	80.000.000.000	-
Giao dịch giữa Công ty Cổ phần Thực phẩm Homefood và Công ty Cổ phần Biggee		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	-	3.703.704

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

37. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

37.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
<i>Giao dịch giữa Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ IPA và Công ty Cổ phần Biggee</i>		
Mua dịch vụ	-	144.000.000
<i>Giao dịch giữa Công ty Cổ phần Nếp sống tỉnh thức IPAM LIFE và Công ty Cổ phần Anvie Nine South</i>		
Góp vốn	35.000.000.000	-
<i>Giao dịch giữa Công ty Cổ phần Nếp sống tỉnh thức IPAM LIFE và Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện</i>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.672.100.000	689.100.000
<i>Giao dịch giữa Công ty Cổ phần Nếp sống tỉnh thức IPAM LIFE và Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT</i>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.036.150.000	1.053.150.000
Nhận chuyển nhượng vốn góp	626.250.000	-
Tiền điện, nước sinh hoạt thu hộ	4.568.790	8.591.289
<i>Giao dịch giữa Công ty mẹ và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nam Cần Thơ</i>		
Chi phí lãi vay	-	677.424.658
<i>Giao dịch giữa Công ty mẹ và Công ty Cổ phần Phát triển điện Trà Vinh</i>		
Cổ tức được chia	3.763.403.000	3.225.777.000
<i>Giao dịch giữa Công ty mẹ và Công ty Cổ phần Giải pháp Phần mềm Tài chính</i>		
Nhận chuyển nhượng vốn góp	21.000.000.000	-
Cổ tức được chia	2.520.000.000	1.680.000.000
<i>Giao dịch giữa Công ty TNHH Tư vấn Quản trị doanh nghiệp IPA và Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT</i>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.491.257.000	3.234.593.000
Chia cổ tức	990.000.000	
<i>Giao dịch giữa Công ty TNHH Tư vấn Quản trị doanh nghiệp IPA và Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện</i>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.755.305.000	1.672.113.000
<i>Giao dịch giữa Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ IPA và Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT</i>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	29.349.549.998	104.658.273.000
Doanh thu chuyển nhượng phần mềm	-	10.700.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

37. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

37.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Giao dịch giữa Công ty Cổ phần Đầu tư IPAF và Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT		
Chia cổ tức	85.000.000	-
Giao dịch giữa Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ IPA và Công ty Cổ phần Giải pháp phần mềm tài chính		
Mua hàng hóa, dịch vụ phần mềm	127.500.000	-
Giao dịch giữa Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ IPA và Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện		
Doanh thu dịch vụ phần mềm	9.876.754.724	5.898.276.000
Giao dịch giữa Công ty Cổ phần DSTATION và Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.374.569.886	4.338.940.137
Cho vay Dplus	10.500.000.000	-
Thu hồi cho vay Dplus	11.000.000.000	-
Lãi cho vay Dplus	33.278.799	-
Giao dịch giữa Công ty Cổ phần DSTATION và Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.385.975.832	3.534.867.857
Giao dịch giữa Công ty Cổ phần Profit và Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT		
Cho vay Dplus	10.100.000.000	-
Thu hồi cho vay Dplus	10.100.000.000	-
Lãi cho vay Dplus, lãi tiền gửi	23.321.380	-
Bán trái phiếu kinh doanh	9.655.744.686	-
Lãi bán trái phiếu kinh doanh	30.121.401	-
Giao dịch giữa Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Đầu tư Chứng khoán IP.A và Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT		
Doanh thu phí quản lý danh mục	2.318.598.572	276.112.562
Phí giao dịch, phí đại lý	491.532.092	777.620.642
Giao dịch giữa Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Đầu tư Chứng khoán IP.A và Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện		
Doanh thu phí quản lý danh mục	5.738.049.373	-
Giao dịch giữa Công ty Cổ phần Nếp sống tình thức IPAM LIFE và ông Vũ Hiền		
Chia cổ tức	4.060.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

37. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

37.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Giao dịch giữa Công ty Cổ phần Nếp sống tinh thức IPAM LIFE và bà Phạm Minh Hương		
Chia cổ tức	4.060.000.000	-
Giao dịch giữa Công ty Cổ phần Ong Trung Ương và ông Vũ Hiền		
Chia cổ tức	441.575.400	-

37.2 THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Công ty không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

37.3 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A đã được soát xét.

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc



Nguyễn Ngọc Mai



Nguyễn Thị Hương Thảo



Mai Hữu Đạt